

Số: 48 /CSĐP - KTTV

Ngày 17 tháng 01 năm 2023

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
tổng hợp quý 4 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2022

STT	CHỈ TIÊU	Mã	TM	QUÝ 4 NĂM 2021	QUÝ 4 NĂM 2022	CHÊNH LỆCH	%
		số					
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	VI.25	333.042.316.609	214.038.206.178	(119.004.110.431)	64,27
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10		-	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	11		333.042.316.609	214.038.206.178	(119.004.110.431)	64,27
4	Giá vốn hàng bán	20	VI.27	190.400.981.223	170.948.354.255	(19.452.626.968)	89,78
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	21		142.641.335.386	43.089.851.923	(99.551.483.463)	30,21
6	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	20.487.207.646	20.831.097.982	343.890.336	101,68
7	Chi phí tài chính	23	VI.28	13.339.186.732	1.949.673.845	(11.389.512.887)	14,62
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	25		-	-	-	
9	Chi phí bán hàng	26		2.146.177.379	1.509.575.211	(636.602.168)	70,34
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		18.288.331.858	14.252.790.866	(4.035.540.992)	77,93
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	31		129.354.847.063	46.208.909.983	(83.145.937.080)	35,72
12	Thu nhập khác	32		228.635.662.094	18.153.533.647	(210.482.128.447)	7,94
13	Chi phí khác	40		13.742.564.275	4.151.363.080	(9.591.201.195)	30,21
14	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	50		214.893.097.819	14.002.170.567	(200.890.927.252)	6,52
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	51		344.247.944.882	60.211.080.550	(284.036.864.332)	17,49
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.30	65.149.405.362	10.454.627.426	(54.694.777.936)	16,05
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60	VI.30	-	-	-	
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN (=50-51-52)	70		279.098.539.520	49.756.453.124	(229.342.086.396)	17,83
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	71					
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						

Giải Trình:

Trong quý 4 năm 2021: Sản lượng tiêu thụ là: 4.397,01 tấn; Giá bán bình quân: 41.273.321 VND/tấn.

Trong quý 4 năm 2022: Sản lượng tiêu thụ là: 5.274,69 tấn; Giá bán bình quân: 34.782.244 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ quý 4 năm 2022 cao hơn quý 4 năm 2021. Nhưng giá bán bình quân thấp hơn quý 4 năm 2021. (giá bán bình quân quý 4 năm 2022 giảm : 6.491.077 VND/tấn hay giảm: 15,72 % so với quý 4 năm 2021).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2022 giảm : 83.145.937.080 VND hay giảm 64,28% so với quý 4 năm 2021. (chủ yếu do giá bán mủ cao su giảm mạnh).

+ Lợi nhuận khác quý 4 năm 2022 giảm : 200.890.927.252 VND so với quý 4 năm 2021.

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2022 giảm : 229.342.086.396 VND hay giảm 82,17% so với quý 4 năm 2021. (Do giá bán mủ cao su trong kỳ giảm mạnh, tiền bồi thường thanh lý cây cao su trên đất giảm so với kỳ trước)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu (b)

